

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ H  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày 17/5/2022

V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Giang Phước Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.

2. Bà Lâm Lệ Oanh.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Đinh Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 23/2022/TLST-HNGĐ ngày 23/02/2022 về việc “Xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Kim H, năm sinh 1985. (có mặt)

Địa chỉ: Tổ 07, khu phố B, phường T, thành phố H, Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Chí Ng, sinh năm 1984. (vắng mặt)

Địa chỉ: xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú: Tổ 07, Khu phố B, phường T, thành phố H, Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 02 năm 2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Phạm Kim H trình bày: Bà và ông Nguyễn Chí Ng kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 15/6/2006. Trong cuộc sống vợ chồng lúc đầu hạnh phúc, sau này vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm thường xuyên cự cãi, ông Ng không lo lắng cho vợ con, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không giải quyết được nên từ năm 2015 cho đến nay ông bà không còn chung sống cùng nhau, ngày 21/12/2021 bà và ông Ng có làm đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, ông Ng cũng đồng ý ly hôn với bà nhưng khi bà yêu cầu cùng đến Tòa để giải

quyết thì ông Ng trốn tránh không đến Tòa, hiện nay ông bà đã không còn sống chung hơn 06 năm, ông Ng không có về thăm con không lo lắng hay chăm sóc vợ con nên mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông Ng không thể nào giải quyết, không thể hàn gắn để đoàn tụ về chung sống với nhau, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với ông Ng.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Kim L, giới tính nữ, sinh ngày 28/01/2005, Nguyễn Minh Kh, giới tính nam, sinh ngày 18/7/2008. Khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông Ng cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Quá trình chung sống không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Chí Ng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Về quan hệ hôn nhân: áp dụng Điều 19, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho bà H ly hôn với ông Ng. Về con chung: Áp dụng khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, ghi nhận việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà H. Về phần tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu xem xét. Án phí: Buộc bà H chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử ghi nhận tất cả ý kiến của kiểm sát viên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và căn cứ Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ án có quan hệ pháp luật tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn. Trong vụ án này bị đơn ông Nguyễn Chí Ng cư trú tại Khu phố B, phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trong thời gian thụ lý giải quyết, ông Nguyễn Chí Ng đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ mà ông Ng vắng mặt, ngày

08/4/2022 Tòa án tiến hành lập biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và ghi nhận ý kiến của bà H, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ông Ng. Tòa án đưa vụ án ra xét xử vào ngày 29/4/2022 nhưng bị đơn là ông Ng vắng mặt lần thứ nhất không lý do nên phiên tòa phải hoãn và ấn định xét xử lại vào ngày hôm nay là ngày 17/5/2022 theo quyết định hoãn phiên Tòa số 24/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/4/2022, ông Ng đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên Tòa lần 2 nhưng vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về nội dung: Bà Phạm Kim H và ông Nguyễn Chí Ng kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn và được UBND phường T, thành phố H, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/6/2006. Như vậy hôn nhân của ông bà là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình thụ lý giải quyết và tại phiên Tòa hôm nay bà H vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện là xin ly hôn, ông Ng đã được Tòa án thông báo thụ lý, triệu tập ghi nhận ý kiến và hòa giải nhiều lần, nhưng ông Ng đều vắng mặt. Xét thấy hôn nhân của bà H, ông Ng phát sinh mâu thuẫn từ đầu năm 2015, ông Ng, bà H không còn chung sống cùng nhau từ năm 2015 cho đến nay, tháng 12/2021 ông bà có ký đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nhưng ông Ng không đến Tòa để làm thủ tục yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn của ông bà nên bà H làm đơn khởi kiện xin ly hôn với ông Ng. Qua xác minh của Tòa án tại địa phương cho thấy bà H có đăng ký thường trú, ông Ng có đăng ký tạm trú tại Khu phố B, phường T. Tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được*”. Qua trình bày của nguyên đơn và kết quả thu thập chứng cứ tại địa phương cho thấy bà H, ông Ng hiện nay không còn chung sống cùng nhau, ông Ng có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn nhưng ông Ng không nộp đến Tòa và không về chung sống, đoàn tụ cùng bà H, từ đó đến nay ông bà không có biện pháp khắc phục để chung sống mang lại hạnh phúc lâu dài. Vợ chồng không còn yêu thương chăm sóc nhau, không ai quan tâm ai, mỗi người có cuộc sống riêng, hôn nhân của bà H, ông Ng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nghị cần chấp nhận cho bà H được ly hôn với ông Ng.

[4] Về con chung: Ông bà có 2 con chung tên Nguyễn Kim L, giới tính nữ, sinh ngày 28/01/2005, Nguyễn Minh Kh, giới tính nam, sinh này 18/7/2008, hiện nay con đang sống cùng bà H, khi ly hôn bà H yêu cầu được nuôi dưỡng hai con đến tuổi trưởng thành, nguyện vọng của cháu L, cháu Kh mong muốn sống cùng mẹ. Xét thấy hiện nay hai con chung của ông bà đang sống cùng bà H, từ nhỏ do bà H chăm sóc nên việc bà H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con là tạo điều kiện cho

cháu L, cháu Kh phát triển về mọi mặt. Áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, nghị cần giao con chung cho bà H nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến bà H không yêu cầu ông Ng cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày không có tài sản chung, nợ chung, ông Ng thì không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà H khởi kiện nên phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng.

*Bởi các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **1. Tuyên xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Phạm Kim H với ông Nguyễn Chí Ng.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Kim L, giới tính nữ, sinh ngày 28/01/2005 và Nguyễn Minh Kh, giới tính nam, sinh này 18/7/2008 cho bà Phạm Kim H tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ghi nhận ý kiến bà H không yêu cầu ông Ng phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Bà H cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở ông Ng trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà H trình bày không có tài sản chung, nợ chung, ông Ng thì không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Bà Phạm Kim H phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai tạm ứng án phí số 0000399 ngày 23 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố H, nay bà H không phải nộp thêm.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự; người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh KG;
- VKSND tỉnh Kiên Giang
- VKSND thành phố H;
- Chi cục THADS Tp. H;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Giang Phước Thành**